



Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Thông tin về Công ty

Đăng ký Kinh doanh số 0103019864 ngày 8 tháng 10 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh bằng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019864 ngày 6 tháng 12 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Chủ tịch
	Ông Phạm Đức Ấn	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Ánh	Thành viên
	Ông Trần Quang Nghị	Thành viên (đến ngày 21/5/2010)
	Ông An T. Ho	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Long	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Duy Viễn	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Hồ Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Vincom,
191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành ngày 15-02-2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

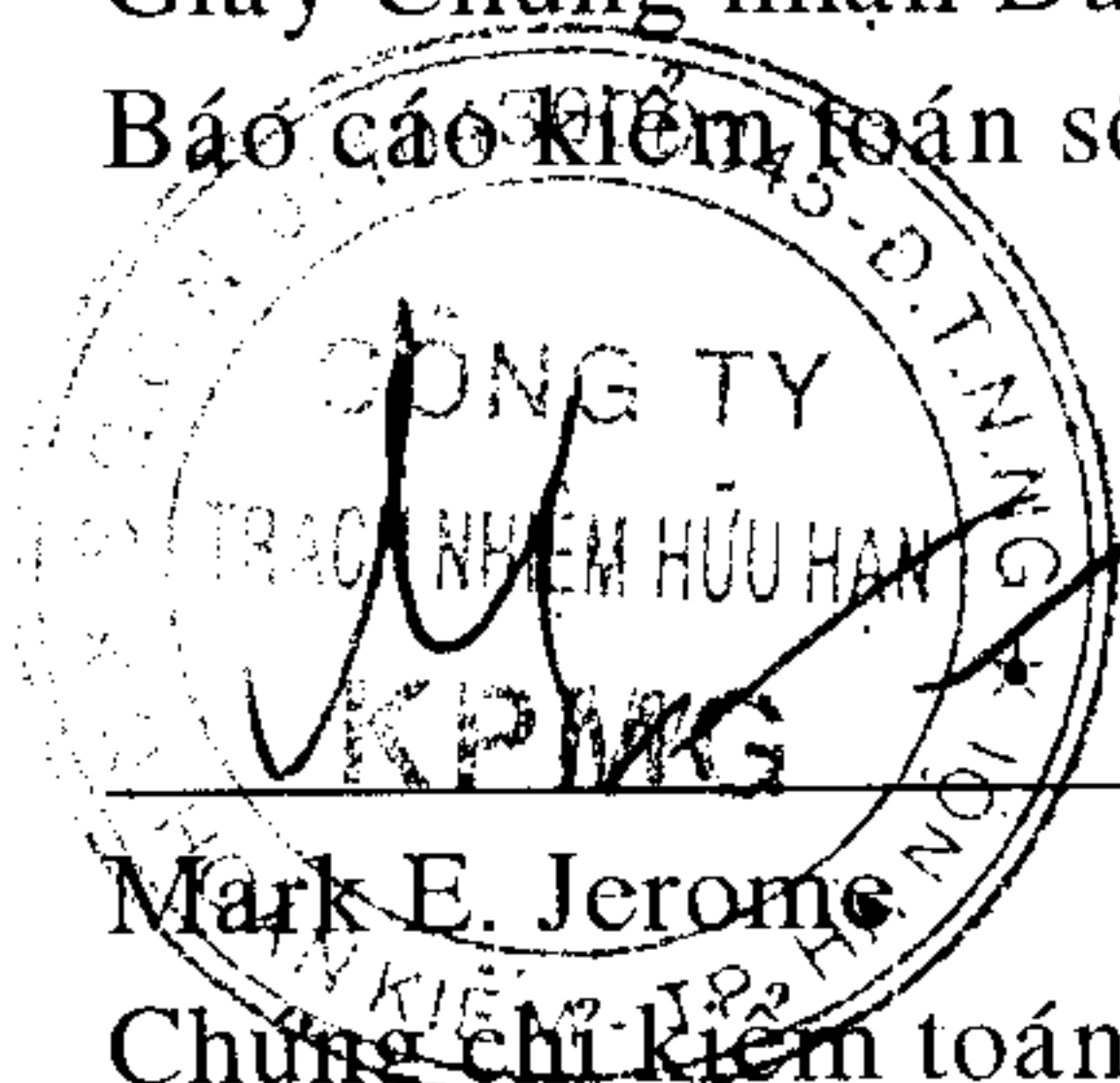
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định liên quan theo luật định.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 10-02-103



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 15-02-2011

Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

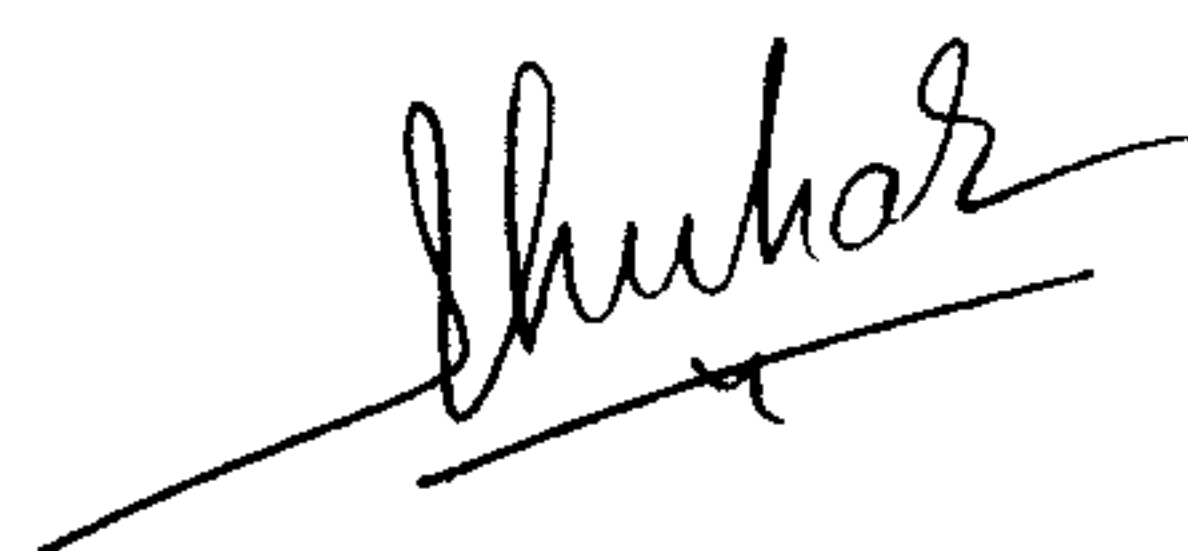
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		98.344.195	516.101.527
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	30.617.875	393.712.089
Tiền	111		167.875	191.753
Các khoản tương đương tiền	112		30.450.000	393.520.336
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	63.210.843	7.050.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		72.766.680	15.727.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.555.837)	(8.677.500)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.018.852	113.884.187
Trả trước cho người bán	132		-	112.481.336
Các khoản phải thu khác	135		2.018.852	1.402.851
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.496.625	1.455.251
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		146.916	574.534
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.021.404	880.717
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.328.305	-
Tài sản dài hạn	200		3.711.261.425	773.371.798
Tài sản cố định	220		1.955.658.603	1.893.814
Tài sản cố định hữu hình	221	4	2.450.536	1.893.814
Nguyên giá	222		3.836.379	2.626.329
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.385.843)	(732.515)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	5	1.943.213.653	-
Nguyên giá	225		1.978.547.338	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(35.333.685)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6	9.994.414	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000	4.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	7	4.000.000	4.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.751.602.822	767.477.984
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	21.956.440	4.253.832
Tài sản dài hạn khác	268	9	1.729.646.382	763.224.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.809.605.620	1.289.473.325

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

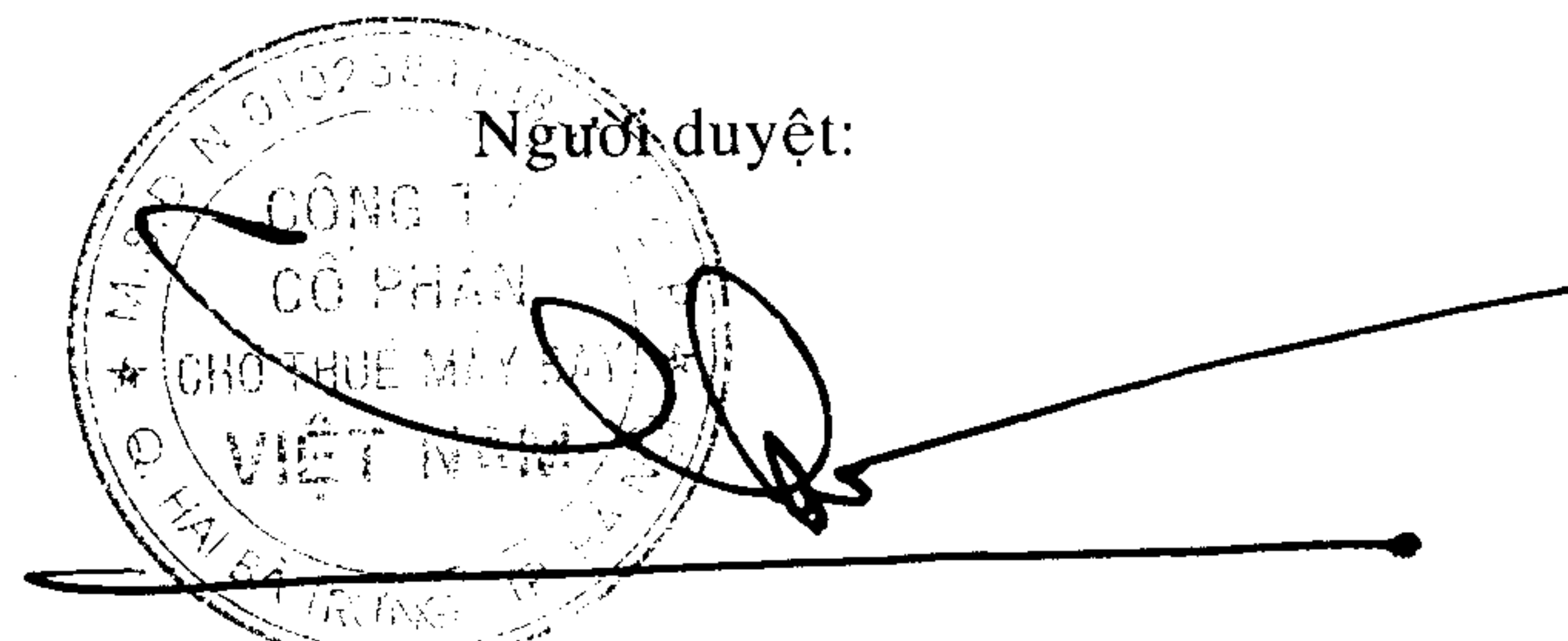
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.800.817.334	304.069.127
Nợ ngắn hạn	310		202.923.161	2.374.921
Vay và nợ ngắn hạn	311	10	148.776.583	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	193.473	1.274.130
Phải trả người lao động	315		1.910	495.150
Chi phí phải trả	316		2.242.189	213.193
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	51.709.006	392.448
Nợ dài hạn	330		2.597.894.173	301.694.206
Nợ dài hạn khác	333	13	338.810.772	289.473.006
Vay và nợ dài hạn	334	14	2.234.705.376	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	24.223.161	12.086.708
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		154.864	134.492
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.008.788.286	985.404.198
Vốn chủ sở hữu	410		1.008.788.286	985.404.198
Vốn cổ phần	411	16	938.664.250	938.177.500
Quỹ dự phòng tài chính	418	2(1)	1.110.897	555.908
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	2(1)	555.448	277.954
Lợi nhuận chưa phân phối	420		68.457.691	46.392.836
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.809.605.620	1.289.473.325

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

15-02-2011

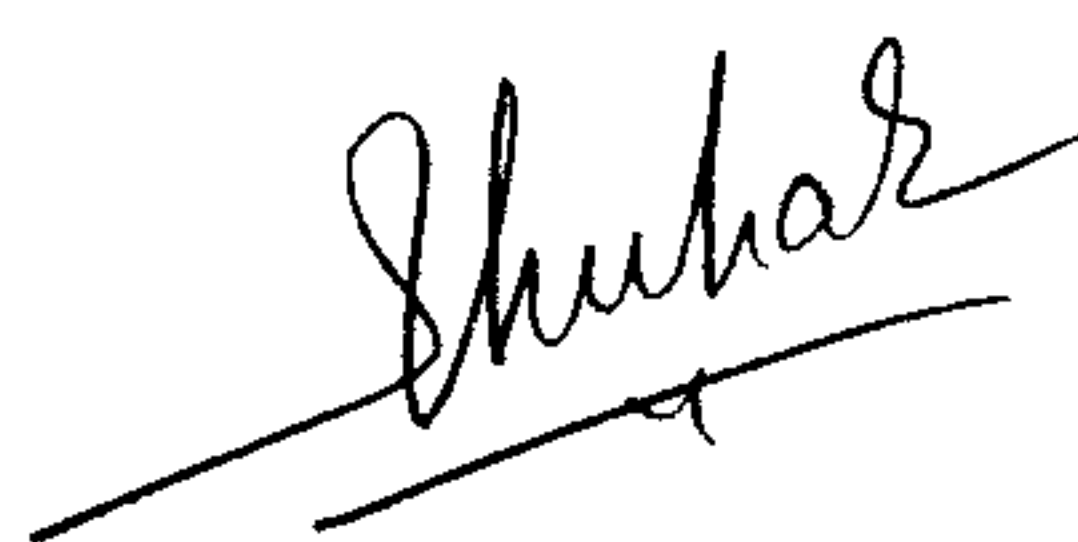
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

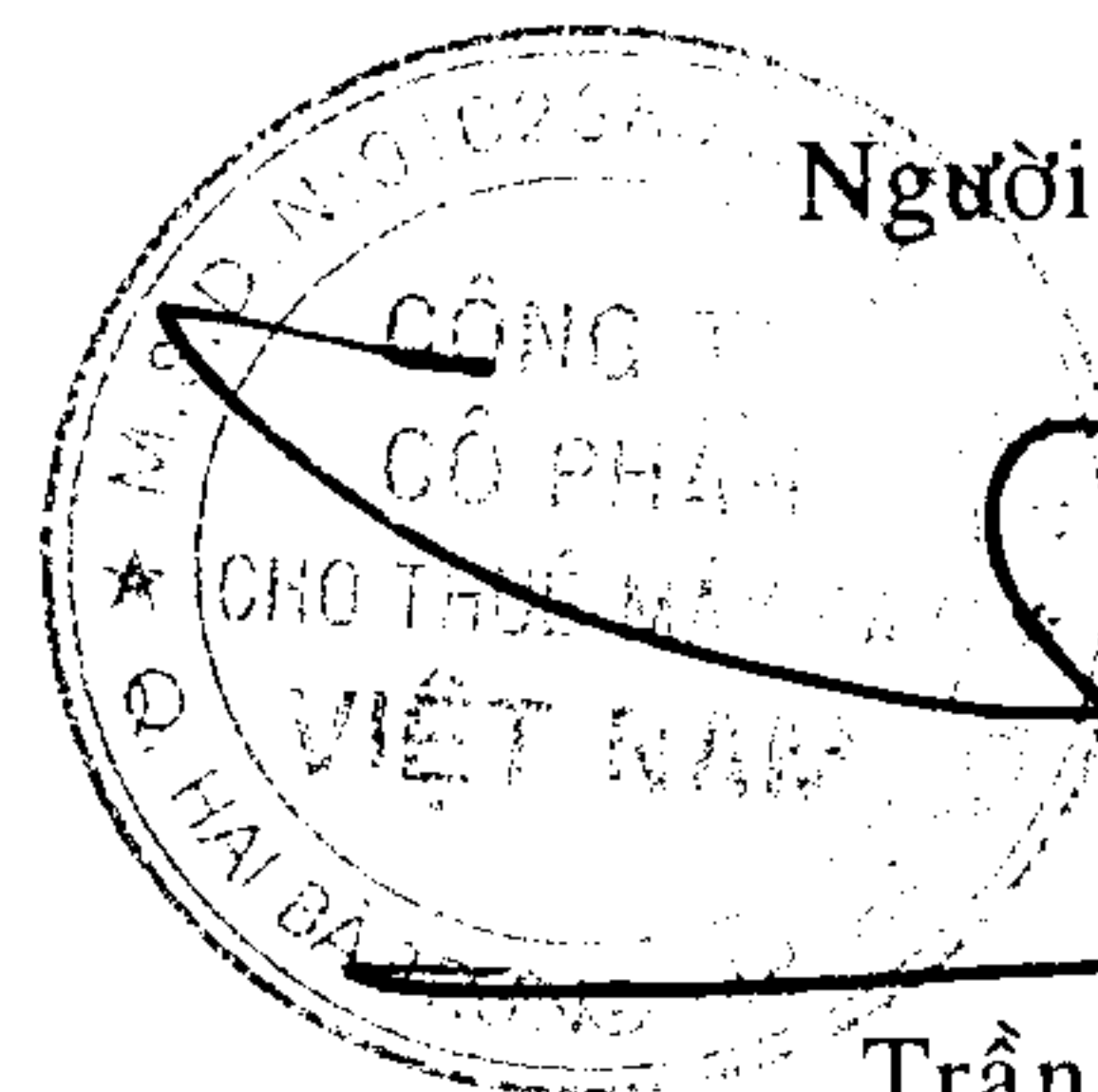
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	17	84.723.849	-
Giá vốn hàng bán	11	18	(63.112.562)	-
Lợi nhuận gộp	20		21.611.287	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	66.377.345	37.176.726
Chi phí tài chính	22	20	(39.317.983)	(3.728)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(18.206.642)	(10.461.520)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.464.007	26.711.478
Kết quả từ các hoạt động khác	40		4.569.784	3.587.694
Thu nhập khác	31	21	4.569.784	3.587.801
Chi phí khác	32		-	(107)
Lợi nhuận trước thuế	50		35.033.791	30.299.172
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	(1.239.094)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	(12.136.453)	(5.877.706)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.897.338	23.182.372

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

15-02-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

5/11

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000	Quỹ thưởng Ban Điều hành (*) VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	626.985.000	-	-	24.186.083	651.171.083	-	651.171.083
Vốn cổ phần đã phát hành	311.192.500	-	-	-	311.192.500	-	311.192.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.182.372	23.182.372	-	23.182.372
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	555.908	277.954	(975.619)	(141.757)	141.757	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(141.757)	(141.757)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	938.177.500	555.908	277.954	46.392.836	985.404.198	-	985.404.198
Vốn cổ phần đã phát hành	486.750	-	-	-	486.750	-	486.750
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.897.338	22.897.338	-	22.897.338
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	554.989	277.494	(832.483)	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	938.664.250	1.110.897	555.448	68.457.691	1.008.788.286	-	1.008.788.286

(*) Quỹ thưởng Ban Điều hành được lập theo quyết định của Đại hội Cổ đông và sử dụng để thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty.

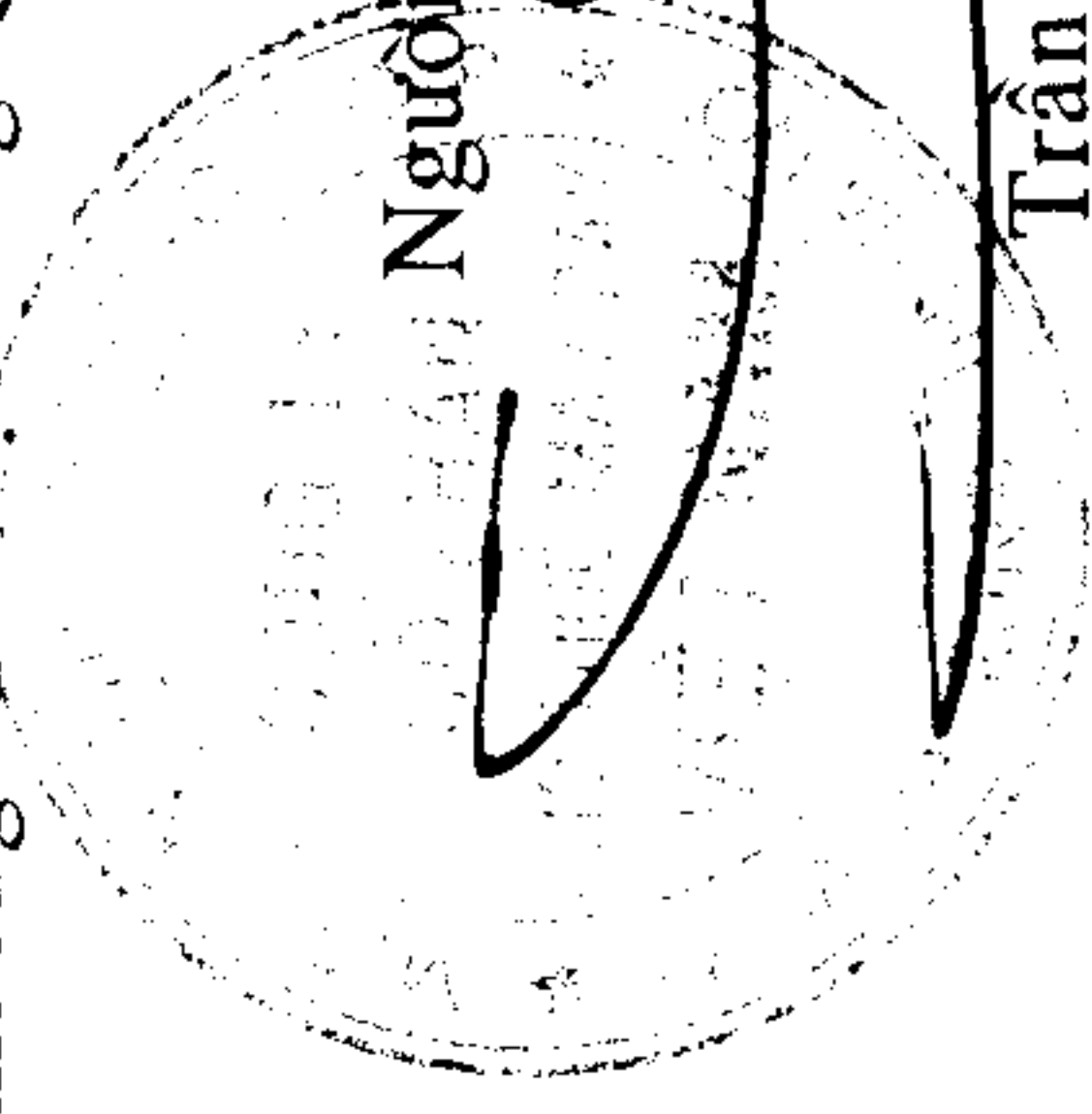
Người lập:

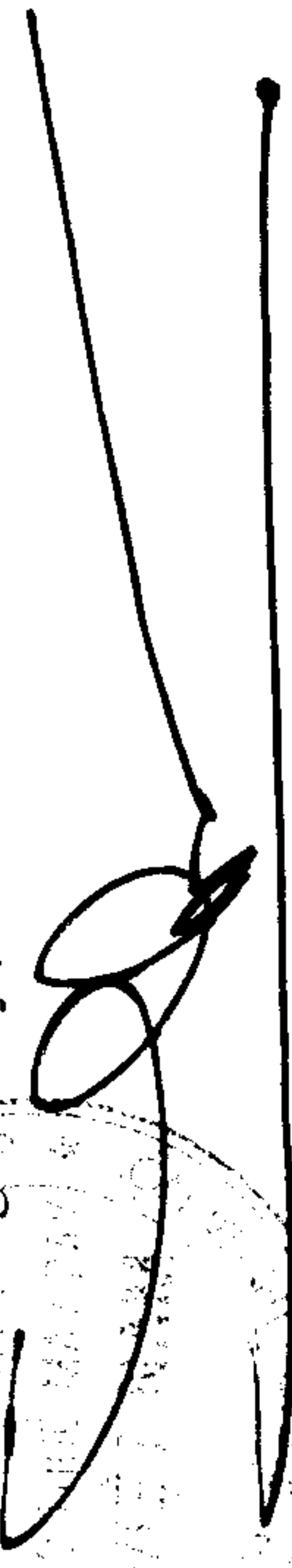


Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

15/02/2011

Người duyệt:





Trần Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã Thuyết số minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	35.033.791	30.299.172
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	36.877.937	566.216
Các khoản dự phòng	03	898.709	(3.506.357)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(12.707.696)	(23.510.822)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.923.962)	(12.652.387)
Chi phí lãi vay	06	27.007.061	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	74.185.840	(8.804.178)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(1.945.245)	(399.220.134)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	32.976.443	289.496.902
Biến động chi phí trả trước	12	(805.081.263)	-
		(774.050.065)	(109.723.232)
Lãi vay đã trả	13	(15.291.350)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.520.891)	(1.400.346)
Tiền thuần chi cho các hoạt động kinh doanh	20	(717.676.466)	(119.927.756)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.998.350.920)	(5.433.098)
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(57.039.180)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	67.052.869
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	13.586.677	12.282.375
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30	(2.041.803.423)	73.902.146

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

7X

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	31/12/2010	31/12/2009
	số	minh	VNĐ'000	VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		486.750	311.192.500
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.425.842.365	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.912.148)	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(27.034.079)	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		2.396.382.888	311.192.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(363.097.001)	265.166.890
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		393.712.089	128.545.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.787	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	30.617.875	393.712.089

Người lập:

Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Long
Tổng Giám đốc

15 -02- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là thuê và cho thuê lại, đầu tư kinh doanh vận tải taxi hàng không, cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp, đặc thù quản lý máy bay, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 30 nhân viên (31/12/2009: 24 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“nghìn VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc năm tài chính. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------|
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 năm |

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính:

- | | |
|-----------|--------|
| ▪ máy bay | 20 năm |
|-----------|--------|

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh khoản chi phí lãi vay phát sinh cho các dự án thuê tài chính máy bay trước khi Công ty nhận được máy bay. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng một năm.

(iii) Chi phí liên quan đến các dự án thuê tài chính máy bay khác

Các khoản phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai các dự án thuê tài chính máy bay mà Công ty phải thanh toán, bao gồm: phí đại lý và thu xếp vốn, phí luật sư, phí xin cấp bảo lãnh, được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá và, khi dự án đi vào triển khai các khoản chi phí này sẽ được phân bổ dần vào chi phí trong thời gian từ mười đến mười lăm năm kể từ khi Công ty có doanh thu từ tiền cho thuê chiếc máy bay đầu tiên của mỗi dự án.

(j) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Quỹ dự phòng

Quỹ dự phòng bao gồm quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Các quỹ dự phòng được phân bổ theo tỷ lệ phần trăm từ lợi nhuận giữ lại hàng năm do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Các quỹ này được sử dụng cho các mục đích cụ thể do các cổ đông quyết định.

(m) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định khi tài sản này hình thành.

(q) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền mặt	101.457	71.584
Tiền gửi ngân hàng	66.418	120.169
Các khoản tương đương tiền	30.450.000	393.520.336
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	30.617.875	393.712.089
	<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ có giá trị là 106 triệu VNĐ (31/12/2009: 8.977 triệu VNĐ).

4. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.506.960	1.119.369	2.626.329
Tăng trong năm	-	1.210.050	1.210.050
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.506.960	2.329.419	3.836.379
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	269.890	462.625	732.515
Khấu hao trong năm	254.088	399.240	653.328
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	523.978	861.865	1.385.843
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.237.070	656.744	1.893.814
Số dư cuối năm	982.982	1.467.554	2.450.536
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 14 triệu VNĐ đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy bay VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	4.029.320
Tăng trong năm	1.974.518.018
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.978.547.338
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	35.333.685
	<hr/>
Số dư cuối năm	35.333.685
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	1.943.213.653
	<hr/> <hr/>

Trong năm 2010, Công ty đã tiếp nhận 05 chiếc máy bay ATR72-500 theo hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê của hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại các máy bay này với giá 10 Đô la Mỹ 1 chiếc. Máy bay được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 14).

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ'000
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	9.994.414
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.994.414
	<hr/> <hr/>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí lãi vay phát sinh từ các hợp đồng vay vốn cho các khoản thanh toán ứng trước của dự án máy bay A321-200. Các máy bay của dự án này được dự kiến chuyển giao trong năm 2012 và 2013.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Các khoản đầu tư

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Đầu tư dài hạn vào:		
▪ Các loại hình đầu tư khác	4.000.000	4.000.000
	4.000.000	4.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
	4.000.000	4.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ chứng khoán	15.866.680	15.727.500
▪ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	56.900.000	-
	72.766.680	15.727.500
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(9.555.837)	(8.677.500)
	63.210.843	7.050.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn	
	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	8.677.500	12.270.600
Tăng dự phòng trong năm	878.337	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.593.100)
Số dư cuối năm	9.555.837	8.677.500

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Chi phí lãi vay VNĐ'000	Chi phí liên quan đến dự án thuê tài chính máy bay khác VNĐ'000	Chi phí trả trước dài hạn khác VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư đầu năm	2.888	2.515.396	-	1.735.548	4.253.832
Tăng trong năm			20.733.792	1.889.060	22.622.852
Phân bổ trong năm	(2.888)	-	(716.605)	(171.431)	(890.924)
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	(2.515.396)	(1.322.990)	(190.934)	(4.029.320)
Số dư cuối năm	-	-	18.694.197	3.262.243	21.956.440

9. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Trả trước cho Airbus	1.412.532.353	462.334.686
Trả trước cho Boeing	317.114.029	300.514.621
Đặt cọc dài hạn	-	374.845
	1.729.646.382	763.224.152

Khoản trả trước cho AirBus là khoản thanh toán trả trước theo hợp đồng mua 10 máy bay Airbus A321-200 ký kết giữa Công ty và AirBus S.A.S. Theo dự kiến, Công ty sẽ nhận chiếc máy bay đầu tiên trong năm 2012.

Khoản trả trước cho Boeing là khoản thanh toán trả trước theo hợp đồng mua 8 máy bay Boeing 787 ký kết giữa Công ty và Boeing. Theo dự kiến, Công ty sẽ nhận chiếc máy bay đầu tiên trong năm 2017.

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)	148.776.583	-

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.506	1.239.094
Thuế thu nhập cá nhân	146.967	35.036
	<hr/>	<hr/>
	193.473	1.274.130
	<hr/>	<hr/>

12. Phải trả khác

Các khoản phải trả khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lãi phải trả	21.710.125	378.542
Doanh thu chưa thực hiện	13.147.149	-
Nhận đóng quỹ bảo dưỡng từ bên đi thuê (*)	16.650.330	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	201.402	13.906
	<hr/>	<hr/>
	51.709.006	392.448
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản này thể hiện khoản đóng quỹ bảo dưỡng nhận được của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam cho hợp đồng thuê máy bay ATR72-500 đã ký kết.

13. Nợ dài hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền đặt cọc dài hạn nhận được	338.810.772	289.473.006
	<hr/>	<hr/>

Tiền đặt cọc dài hạn nhận được là khoản đặt cọc cho các hợp đồng thuê máy bay A321-200, Boeing 787 và ATR 72-500 từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Vay dài hạn (a)	706.528.322	-
Nợ thuê tài chính (b)	1.676.953.637	-
	<hr/> 2.383.481.959	<hr/> -
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(148.776.583)	-
	<hr/> 2.234.705.376	<hr/> -

a. Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Năm đáo hạn	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Vay BIDV – Hợp đồng số 2604	USD	LIBOR 6 tháng + phí 3,25% một năm +/- phí định kỳ	2013	652.370.266	-
Vay BIDV – Hợp đồng số 1504	USD	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng bằng USD + biên độ 3% một năm	2020	54.158.056	-
				<hr/> 706.528.322	<hr/> -

Theo Công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phát triển đội máy bay đến năm 2015 và đến năm 2020 của Tổng công ty hàng không Việt Nam và Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam, Bộ Tài chính sẽ bảo lãnh miễn phí các khoản vốn vay mua máy bay và động cơ máy bay bao gồm tín dụng xuất khẩu và các khoản vay thương mại.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thu xếp đủ số vốn để giải ngân thanh toán ứng trước cho dự án A321-200, trong đó tổng số vốn cam kết giải ngân theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 121,4 triệu Đô la Mỹ (số đã giải ngân tính đến 31/12/2010 là 34,5 triệu Đô la Mỹ).

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

- b. Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu theo các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Khoản thanh toán	31/12/2010 VNĐ'000	
		Lãi	Gốc
Trong vòng một năm	208.499.548	65.591.885	142.907.663
Từ hai đến năm năm	833.998.191	202.466.163	631.532.028
Trên năm năm	1.000.961.768	98.447.822	902.513.946
	<u>2.043.459.507</u>	<u>366.505.870</u>	<u>1.676.953.637</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản nợ thuê tài chính có gốc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương 88.577.733 USD (31/12/2009: Không).

Theo Công văn số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đồng ý miễn thuế nhà thầu đối với lãi và phí tiền vay mua máy bay.

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận**

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.223.161	12.086.708

(ii) Biến động chênh lệch tạm thời trong năm

	31/12/2009 VNĐ'000	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		31/12/2010 VNĐ'000
		31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2010 VNĐ'000	
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.086.708	12.136.453	24.223.161	

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Lỗ tính thuế	13.425.329	3.356.332	-	-

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND'000
2015	Chưa quyết toán	13.425.329
		13.425.329

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt	95.349.250	953.492.500	95.349.250	953.492.500
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	93.866.425	938.664.250	93.817.750	938.177.500
Số cổ phần được quyền chào bán	1.482.825	14.828.250	1.531.500	15.315.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	93.866.425	938.664.250	93.817.750	938.177.500
	93.866.425	938.664.250	93.817.750	938.177.500

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	93.817.750	938.177.500	62.698.500	626.985.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	48.675	486.750	31.119.250	311.192.500
Số dư cuối năm	93.866.425	938.664.250	93.817.750	938.177.500

17. Doanh thu

Tổng doanh thu cho thuê các tài sản cho thuê tài chính không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Doanh thu cho thuê các tài sản cho thuê tài chính	84.723.849	-

18. Giá vốn hàng bán

	2010 VND'000	2009 VND'000
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Tiền cho thuê các tài sản cho thuê tài chính	63.112.562	-
	63.112.562	-

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND'000	2009 VND'000
Lãi tiền gửi	12.923.962	12.533.853
Lãi từ trái phiếu Chính phủ	-	923.182
Cổ tức	180.000	90.336
Lãi thanh lý chứng khoán	-	118.533
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	3.641.862	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.631.521	23.510.822
	66.377.345	37.176.726

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	878.337	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.515.821	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.923.825	-
Các chi phí tài chính khác	-	3.728
	<hr/> 39.317.983	<hr/> 3.728

21. Thu nhập khác

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	3.519.099
Hỗ trợ từ Airbus	4.564.278	-
Thu nhập khác	5.506	68.702
	<hr/> 4.569.784	<hr/> 3.587.801

22. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	-	1.239.094
	<hr/> -	<hr/> 1.239.094
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	12.136.453	5.877.706
	<hr/> 12.136.453	<hr/> 5.877.706
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 12.136.453	<hr/> 7.116.800

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	35.033.791	30.299.172
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.758.448	7.574.793
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	-
Ưu đãi thuế	-	(546.348)
Chi phí không được khấu trừ thuế	66.673	110.939
Thu nhập không bị tính thuế	(45.000)	(22.584)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.356.332	-
	12.136.453	7.116.800

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam		
Tiền cho thuê các tài sản cho thuê tài chính	84.723.849	-
Lãi vay đã trả	-	2.515.396
Đóng quỹ bảo dưỡng máy bay	17.044.350	-
Tiền đặt cọc dài hạn nhận được	32.806.096	-
Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	239.693	202.000
Thưởng	-	141.757

24. Cam kết

Hợp đồng thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Trong vòng một năm	-	1.488.599
	-	1.488.599

25. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Chi phí nhân công	8.064.158	4.693.406
Chi phí khấu hao	36.877.937	593.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.370.048	1.880.024
Chi phí lãi vay	27.007.061	-

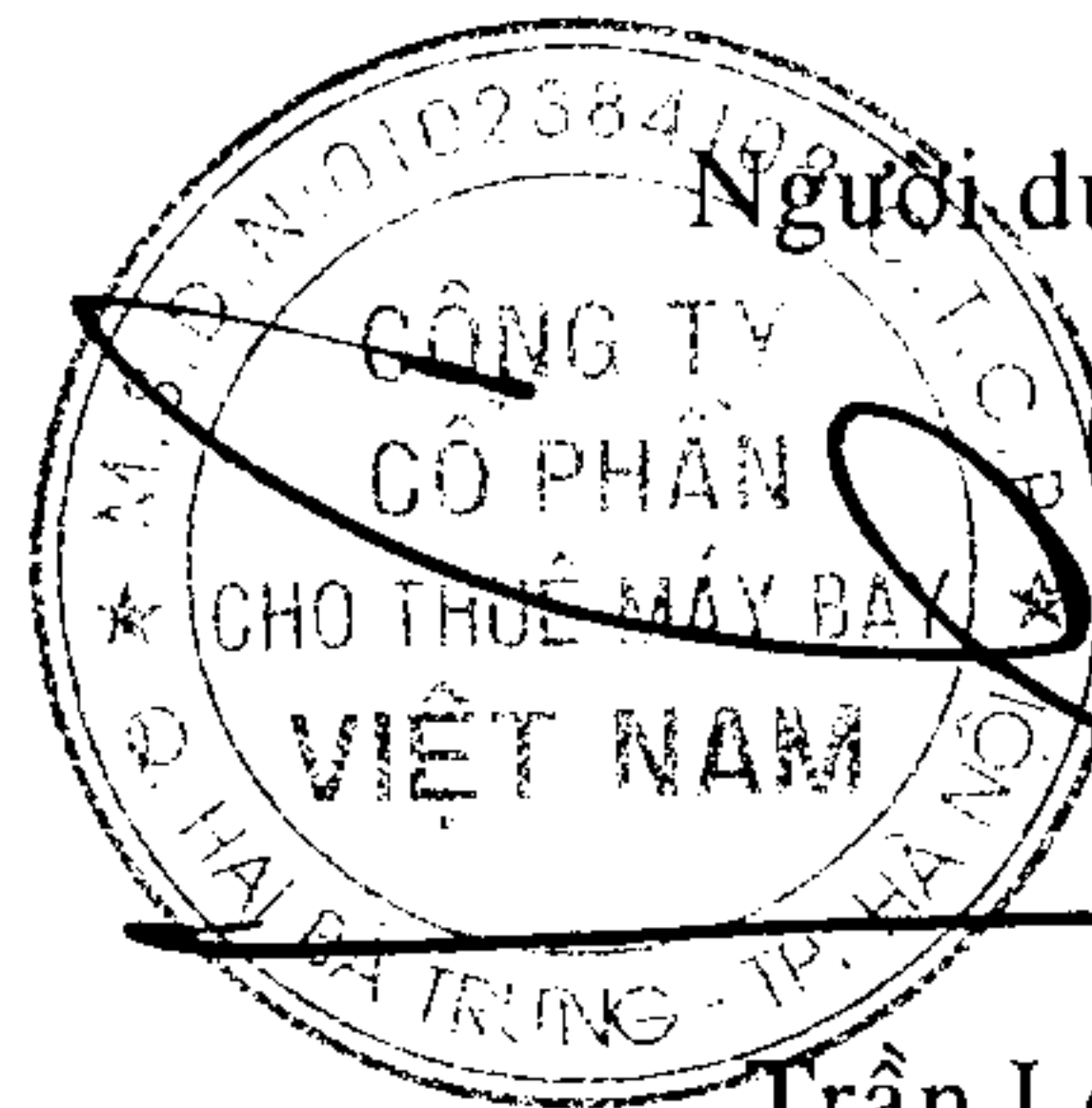
26. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 91.366.165 USD và nợ phải trả tiền tệ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 128.494.202 USD dẫn đến một khoản nợ phải trả tiền tệ thuần xấp xỉ 37.128.037 USD. Tại ngày 14 tháng 2 năm 2011, tỷ giá hối đoái giữa VNĐ và Đô la USD đã được điều chỉnh tăng khoảng 9,4% từ 18.932 VNĐ/1 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lên 20.713 VNĐ/1 USD. Do vậy, khoản tài sản tiền tệ thuần bằng ngoại tệ cùng với việc giảm giá của VNĐ có thể có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

Người lập:

Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

15 -02- 2011